**1. Các trường quan trọng trong Test Case Template**

Test Case Template có cách trình bày tốt giúp duy trì tính nhất quán của kiểm thử cho nhóm kiểm thử và giúp tất cả các bên liên quan dễ dàng hiểu được Test Cases. Viết Test Cases trong một định dạng chuẩn làm giảm effort kiểm thử và giảm tỷ lệ lỗi. Định dạng Test Cases sẽ chuẩn hơn nếu bạn tham khảo Test Cases từ các chuyên gia.

Test Case Template được chọn cho dự án phụ thuộc vào chính sách kiểm thử. Nhiều tổ chức tạo các Test Cases từ Microsoft Excel trong khi một số tổ chức tạo Test cases từ Microsoft Word. Một số tổ chức sử dụng các công cụ quản lý kiểm thử như HP ALM để ghi lại các Test Cases.

Bất kỳ mẫu Test Cases chuẩn nào cũng phải có các trường sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Mô tả** |
| Test case ID | Mỗi Test Cases phải có một ID duy nhất để chỉ ra các loại kiểm thử theo một số quy ước như "TC\_UI\_1" cho biết "Test Cases kiểm tra giao diện người dùng số 1." |
| Test Priority | Rất hữu ích trong khi thực hiện kiểm thử. Bao gồm các độ ưu tiên:   * Low * Medium * High |
| Name of the Module | Xác định tên của module chính hoặc module phụ đang được kiểm thử |
| Test Designed by | Tên người thiết kkiểm thử |
| Date of test designed | Ngày thiết kế kiểm thử |
| Test Executed by | Người thực hiện kiểm thử |
| Date of the Test Execution | Ngày thực hiện kiểm thử |
| Name or Test Title | Tiêu đề của Test Cases |
| Description/Summary of Test | Xác định mục đích kiểm thử một cách ngắn gọn |
| Pre-condition | Để thực hiện Test Cases, trước tiên cần liệt kê tất cả các điều kiện tiên đề |
| Dependencies | Xác định bất kỳ sự phụ thuộc vào yêu cầu kiểm thử hoặc các Test Cases khác |
| Test Steps | Đề cập đến tất cả các bước kiểm thử một cách chi tiết và viết theo thứ tự thực hiện |
| Test Data | Cung cấp các bộ dữ liệu khác nhau với các giá trị chính xác sẽ được sử dụng làm đầu vào khi thực hiện test cases |
| Expected Results | Đề cập đến kết quả mong đợi bao gồm lỗi hoặc thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình |
| Post-Condition | Trạng thái của hệ thống sau khi chạy Test Cases |
| Actual Result | Sau khi thực hiện kiểm thử, kết quả kiểm thử thực tế được hiển thị |
| Status (Fail/Pass) | Đánh dấu trường này là Fail nếu kết quả thực tế không giống kết quả mong đợi |
| Notes | Nếu có một số điều kiện còn lại trong các trường trên |

**2. Các trường có thể có trong Test Cases**

Các trường sau đây có thể có tùy thuộc vào yêu cầu của dự án:

* **Link / Defect ID**: Bao gồm liên kết cho lỗi hoặc xác định số lỗi nếu trạng thái kiểm thử là Fail
* **Keywords / Test Type**: Để xác định các trường hợp kiểm thử dựa trên các loại kiểm thử, trường này có thể được sử dụng. Ví dụ: Tính khả dụng, chức năng, v.v.
* **Requirements**: Yêu cầu mà Test Cases được viết
* **References / Attachments**: Rất hữu ích cho các tình huống kiểm thử phức tạp, đưa ra đường dẫn thực tế của tài liệu hoặc sơ đồ
* **Automation (Yes/No)**: Để theo dõi trạng thái tự động khi các Test Cases được tự động hóa
* **Custom Fields**: Các trường cụ thể được kiểm thử do yêu cầu của khách hàng / dự án.